

Số: 063 /HDQT-NHCT2.1

V/v Công bố thông tin Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Mã chứng khoán: CTG

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 39421030

Fax: 024 39421032

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Đức Thọ Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 39421030

Fax: 024 39421032

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) công bố thông tin Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020).

(Chi tiết theo file đính kèm)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày 29/01/2021 tại đường dẫn <http://investor.vietinbank.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: NHCT99, NHCT2.1.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020).



Lê Đức Thọ

Số: 062 /BC HĐQT NHCT55

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)

Chi tiết theo **Phụ lục 01** đính kèm.

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu phát hành ra công chúng theo nhà đầu tư

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)

Chi tiết theo **Phụ lục 02** đính kèm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: NHCT99, NHCT55,
NHCT2.1.

Người đại diện theo pháp luật



Lê Đức Thọ

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Phụ lục 01: Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)

Đơn vị: đồng

TT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ		Thanh toán trong kỳ		Đư nợ cuối kỳ	
					Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	CTG1727T2/01	10 năm	14-11-17	14-11-27	2,000,000,000,000	0	0	162,000,000,000	2,000,000,000,000	0
2	CTG1727T2/02	10 năm	14-12-17	14-12-27	2,200,000,000,000	0	0	176,000,000,000	2,200,000,000,000	0
3	CTG1828T2/01	10 năm	29-06-18	29-06-28	2,435,100,000,000	0	0	185,676,375,000	2,435,100,000,000	0
4	CTG1926T2/01	7 năm	27-09-15	27-09-26	2,000,000,000,000	0	0	158,000,000,000	2,000,000,000,000	0
5	CTG1929T2/01	10 năm	27-09-15	27-09-29	2,000,000,000,000	0	0	162,000,000,000	2,000,000,000,000	0
6	CTG1926T2/02	7 năm	29-10-15	29-10-26	500,000,000,000	0	0	39,500,000,000	500,000,000,000	0
7	CTG1929T2/02	10 năm	29-10-15	29-10-29	500,000,000,000	0	0	40,500,000,000	500,000,000,000	0
8	CTG2028T2/01	8 năm	30-07-20	30-07-28	0	0	0	0	3,500,000,000,000	0
9	CTG2030T2/01	10 năm	30-07-20	30-07-30	0	0	0	0	3,500,000,000,000	0
10	CTG2028T2/02	8 năm	24-09-20	24-09-28	0	0	0	0	1,176,770,000,000	0
11	CTG2030T2/02	10 năm	24-09-20	24-09-30	0	0	0	0	1,282,450,000,000	0
	Tổng cộng				11,635,100,000,000	0	0	923,676,375,000	21,094,320,000,000	0

Phụ lục 02: Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu phát hành ra công chúng theo nhà đầu tư
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)

Đơn vị: đồng

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
CTG1727T2/01						
I. Nhà đầu tư trong nước	2,000,000,000,000	100%	0	0%	2,000,000,000,000	100%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	1,141,540,000,000	57.38%	27,300,000,000	1.37%	1,174,840,000,000	58.74%
a) Tổ chức tín dụng	628,000,000,000	31.40%	-255,000,000,000	-12.75%	373,000,000,000	18.65%
b) Quỹ đầu tư	0	0.00%	255,000,000,000	12.75%	255,000,000,000	12.73%
c) Công ty chứng khoán	0	0%	0	0%	0	0%
d) Công ty Bảo hiểm	100,000,000,000	5.00%	0	0%	100,000,000,000	5.00%
đ) Các tổ chức khác	419,540,000,000	20.98%	27,300,000,000	1.37%	446,840,000,000	22.34%
2. Nhà đầu tư cá nhân	852,460,000,000	42.62%	-27,300,000,000	-1.37%	825,160,000,000	41.26%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0		0		0	
Tổng	2,000,000,000,000		0		2,000,000,000,000	
CTG1727T2/02						
I. Nhà đầu tư trong nước	2,200,000,000,000	100%	0	0%	2,200,000,000,000	100%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	1,334,960,000,000	60.68%	7,500,000,000	0.34%	1,342,460,000,000	61.02%
a) Tổ chức tín dụng	656,000,000,000	29.82%	-70,000,000,000	-3.18%	586,000,000,000	26.64%
b) Quỹ đầu tư	0	0%	20,000,000,000	0.91%	20,000,000,000	0.91%
c) Công ty chứng khoán	0	0%	0	0%	0	0%
d) Công ty Bảo hiểm	125,000,000,000	5.68%	50,000,000,000	2.27%	175,000,000,000	7.95%
đ) Các tổ chức khác	553,960,000,000	25.18%	7,500,000,000	0.34%	561,460,000,000	25.52%
2. Nhà đầu tư cá nhân	865,040,000,000	39.32%	-7,500,000,000	-0.34%	857,540,000,000	38.98%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0		0		0	
Tổng	2,200,000,000,000		0		2,200,000,000,000	
CTG1828T2/01						
I. Nhà đầu tư trong nước	2,435,100,000,000	100%	0		2,435,100,000,000	100%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	1,548,240,000,000	63.58%	61,940,000,000	2.54%	1,610,180,000,000	66.12%
a) Tổ chức tín dụng	800,000,000,000	32.85%	0	0%	800,000,000,000	32.85%
b) Quỹ đầu tư	0	0%	0	0%	0	0%
c) Công ty chứng khoán	45,000,000,000	2%	-45,000,000,000	-1.85%	0	0%
d) Công ty Bảo hiểm	0	0%	0	0%	0	0%
đ) Các tổ chức khác	703,240,000,000	28.88%	106,940,000,000	4.39%	810,180,000,000	33.27%
2. Nhà đầu tư cá nhân	886,860,000,000	36.42%	-61,940,000,000	-2.54%	824,920,000,000	33.88%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0		0		0	0
Tổng	2,435,100,000,000		0		2,435,100,000,000	
CTG1926T2/01						
I. Nhà đầu tư trong nước	1,991,200,000,000	99.56%	1,400,000,000	0.07%	1,992,600,000,000	99.63%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	728,690,000,000	36.43%	980,000,000	0.05%	729,670,000,000	36.48%
a) Tổ chức tín dụng	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
b) Quỹ đầu tư	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
c) Công ty chứng khoán	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
d) Công ty Bảo hiểm	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
đ) Các tổ chức khác	728,690,000,000	36.43%	980,000,000	0.05%	729,670,000,000	36.48%
2. Nhà đầu tư cá nhân	1,262,510,000,000	63.13%	420,000,000	0.02%	1,262,930,000,000	63.15%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	8,800,000,000	0.44%	-1,400,000,000	-0.07%	7,400,000,000	0.37%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0	0%	0	0%	0	0%
2. Nhà đầu tư cá nhân	8,800,000,000	0.44%	-1,400,000,000	-0.07%	7,400,000,000	0.37%
Tổng	2,000,000,000,000	100%	0	0	2,000,000,000,000	100%
CTG1929T2/01						
I. Nhà đầu tư trong nước	1,977,500,000,000	98.875%	0		1,977,500,000,000	98.875%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	705,600,000,000	35.280%	24,620,000,000	1.231%	730,220,000,000	36.511%
a) Tổ chức tín dụng	0		0		0	
b) Quỹ đầu tư	0		0		0	
c) Công ty chứng khoán	0		0		0	
d) Công ty Bảo hiểm	0		0		0	
đ) Các tổ chức khác	705,600,000,000		24,620,000,000		730,220,000,000	36.511%
2. Nhà đầu tư cá nhân	1,271,900,000,000	63.595%	-24,620,000,000	-1.231%	1,247,280,000,000	62.364%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	22,500,000,000	1.125%	0		22,500,000,000	1.125%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	10,000,000,000	0.500%	0		10,000,000,000	0.500%
a) Tổ chức tín dụng	0				0	
b) Quỹ đầu tư	0				0	
c) Công ty chứng khoán	0				0	

11/12/2020

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
d) Công ty Bảo hiểm	0				0	
đ) Các tổ chức khác	10,000,000,000	0.500%	0	0	10,000,000,000	0.500%
2. Nhà đầu tư cá nhân	12,500,000,000	0.625%	0		12,500,000,000	0.625%
Tổng	2,000,000,000,000				2,000,000,000,000	
CTG1926T2/02						
I. Nhà đầu tư trong nước	500,000,000,000	100%	0		500,000,000,000	100%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	281,300,000,000	56.26%	1,020,000,000	0.20%	282,320,000,000	56.46%
a) Tổ chức tín dụng	0	0			0	0
b) Quỹ đầu tư	0	0			0	0
c) Công ty chứng khoán	0	0			0	0
d) Công ty Bảo hiểm	0	0			0	0
đ) Các tổ chức khác	281,300,000,000	56.26%	1,020,000,000		282,320,000,000	56.46%
2. Nhà đầu tư cá nhân	218,700,000,000	43.74%	-1,020,000,000	-0.20%	217,680,000,000	43.54%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0		0		0	
Tổng	500,000,000,000		0		500,000,000,000	
CTG1929T2/02						
I. Nhà đầu tư trong nước	499,000,000,000	99.80%	0		499,000,000,000	99.80%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	355,970,000,000	71.194%	120,000,000	0.024%	356,090,000,000	71.218%
a) Tổ chức tín dụng	0	0%	50,000,000,000		50,000,000,000	10.000%
b) Quỹ đầu tư	0	0%	0		0	0%
c) Công ty chứng khoán	2,000,000,000	0.400%	-2,000,000,000		0	0%
d) Công ty Bảo hiểm	150,000,000,000	30.000%	0		150,000,000,000	30.000%
đ) Các tổ chức khác	203,970,000,000	40.794%	-47,880,000,000		156,090,000,000	31.218%
2. Nhà đầu tư cá nhân	143,030,000,000	28.606%	-120,000,000	-0.024%	142,910,000,000	28.582%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	1,000,000,000	0.20%	0		1,000,000,000	0.20%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0	0%	0		0	0%
2. Nhà đầu tư cá nhân	1,000,000,000	0.20%	0		1,000,000,000	0.20%
Tổng	500,000,000,000	100%			500,000,000,000	100%
CTG2028T2/01						
I. Nhà đầu tư trong nước	0				3,487,750,000,000	99.65%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				1,155,900,000,000	33.03%
a) Tổ chức tín dụng	0				0	0%
b) Quỹ đầu tư	0				0	0%
c) Công ty chứng khoán	0				50,000,000,000	1.43%
d) Công ty Bảo hiểm	0				0	0%
đ) Các tổ chức khác	0				1,105,900,000,000	31.60%
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				2,331,850,000,000	66.62%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0				12,250,000,000	0.35%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				0	0%
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				12,250,000,000	0.35%
Tổng	0				3,500,000,000,000	
CTG2030T2/01						
I. Nhà đầu tư trong nước	0				3,499,960,000,000	99.9989%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				1,269,990,000,000	36.2854%
a) Tổ chức tín dụng	0				0	0%
b) Quỹ đầu tư	0				0	0%
c) Công ty chứng khoán	0				470,000,000,000	13.4286%
d) Công ty Bảo hiểm	0				0	0%
đ) Các tổ chức khác	0				799,990,000,000	22.8569%
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				2,229,970,000,000	63.7134%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0				40,000,000	0.0011%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				0	0%
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				40,000,000	0.0011%
Tổng	0				3,500,000,000,000	
CTG2028T2/02						
I. Nhà đầu tư trong nước	0				1,175,560,000,000	99.897%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				501,180,000,000	42.589%
a) Tổ chức tín dụng	0				0	0.000%
b) Quỹ đầu tư	0				0	0%
c) Công ty chứng khoán	0				100,000,000,000	8.498%
d) Công ty Bảo hiểm	0				0	0%
đ) Các tổ chức khác	0				401,180,000,000	34.092%
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				674,380,000,000	57.308%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0				1,210,000,000	0.103%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				0	0%

[Handwritten signature]

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				1,210,000,000	0.103%
Tổng	0				1,176,770,000,000	
CTG2030T2/02						
I. Nhà đầu tư trong nước	0				1,282,450,000,000	100%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	0				321,580,000,000	25.08%
a) Tổ chức tín dụng	0				0	0.00%
b) Quỹ đầu tư	0				10,000,000,000	0.78%
c) Công ty chứng khoán	0				0	0.00%
d) Công ty Bảo hiểm	0				0	0.00%
đ) Các tổ chức khác	0				311,580,000,000	24.30%
2. Nhà đầu tư cá nhân	0				960,870,000,000	74.92%
II. Nhà đầu tư nước ngoài	0				0	
Tổng	0				1,282,450,000,000	

Ju M